

Trà Vinh, ngày 05 tháng 5 năm 2021

HƯỚNG DẪN

Thực hiện công tác quản lý chăn nuôi và phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Luật Thú y năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Căn cứ Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi khoản 2 Điều 4 của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Để có sự tập trung, thống nhất và triển khai thực hiện hiệu quả công tác quản lý chăn nuôi và phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quản lý chăn nuôi và phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, như sau:

I. QUẢN LÝ CHĂN NUÔI

1.1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chăn nuôi

a) Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chăn nuôi phải thực hiện kê khai

hoạt động chăn nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật Chăn nuôi và Điều 4 của Thông tư số 23/2019/BNNPTNT, cụ thể:

- Nội dung kê khai: Loại, số lượng vật nuôi theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 23/2019/BNNPTNT.

- Thời gian thực hiện kê khai: Từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối quý theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 23/2019/BNNPTNT.

- Địa điểm nộp kê khai: Ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã).

b) Chăn nuôi nông hộ phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 56 và khoản 2 Điều 57 của Luật Chăn nuôi.

- Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người;

- Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi;

- Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi.

c) Chăn nuôi trang trại (quy mô lớn, quy mô vừa, quy mô nhỏ) phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 57 của Luật Chăn nuôi.

d) Chăn nuôi trang trại quy mô lớn được quản lý theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP.

1.2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 80 của Luật Chăn nuôi.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục về chăn nuôi.

- Tổ chức thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi.

- Thông kê và quản lý cơ sở chăn nuôi, hộ chăn nuôi.

b) Thực hiện quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi.

Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 14/2021/NĐ-CP.

c) Thực hiện chỉ đạo của UBND cấp huyện, hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y về công tác quản lý chăn nuôi.

1.3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 80 của Luật Chăn nuôi.

- Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức giáo dục pháp luật về chăn nuôi.

- Giao đất, cho thuê đất, tạo quỹ đất theo thẩm quyền để phát triển chăn nuôi và trồng cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

- Tổ chức quản lý, phát triển chăn nuôi tại địa phương; thông kê, đánh giá và hỗ trợ thiệt hại cho cơ sở chăn nuôi sau thiên tai, dịch bệnh.

- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về chăn nuôi trong địa bàn huyện theo thẩm quyền.

b) Xác định quy mô chăn nuôi của địa phương theo điểm a khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND.

c) Thực hiện quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi.

Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 14/2021/NĐ-CP.

c) Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y về công tác quản lý chăn nuôi.

1.4. Chi cục Chăn nuôi và Thú y

a) Thực hiện và tham mưu về các hoạt động quản lý chăn nuôi trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Thú y và các văn bản có liên quan.

c) Xây dựng chương trình, dự án, kế hoạch phát triển chăn nuôi hàng năm hoặc dài hạn theo từng giai đoạn trên địa bàn tỉnh.

d) Các nhiệm vụ khác về chăn nuôi theo chỉ đạo, phân công của Giám đốc Sở.

II. PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

2.1. Tổ chức, cá nhân

a) Khai báo và báo cáo dịch bệnh động vật theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT

Tổ chức, cá nhân khi phát hiện động vật mắc bệnh, chết, có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm hoặc động vật nuôi bị chết bất thường mà không rõ nguyên nhân phải thực hiện ngay việc khai báo dịch bệnh động vật cho nhân viên thú y cấp xã, UBND cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi gần nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật thú y bao gồm các thông tin sau đây:

- Tổ chức, cá nhân khai báo.
- Địa điểm, thời gian phát hiện dịch bệnh động vật.
- Loại động vật.
- Số lượng động vật.
- Mô tả dấu hiệu bệnh.

b) Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho động vật theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và chính quyền địa phương

c) Khi có dịch bệnh động vật

- Thực hiện chống dịch bệnh động vật trong vùng có dịch theo quy định tại khoản 9 Điều 27 của Luật Thú y.

- Cách ly ngay động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh.
- Không giết mổ, mua bán, vứt xác động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh ra môi trường.

- Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết theo hướng dẫn về bảo vệ môi trường.

- Cung cấp thông tin chính xác về dịch bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và chính quyền địa phương.

- Chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.2. Nhân viên thú y cấp xã

a) Thực hiện quy định xử lý ổ dịch bệnh động vật trên cạn theo quy định tại khoản 2 Điều 25 và quy định tổ chức chống dịch bệnh động vật trên cạn trong vùng có dịch theo quy định tại khoản 8 Điều 27 của Luật Thú y

b) Tiếp nhận khai báo và báo cáo dịch bệnh động vật của tổ chức, cá nhân và báo cáo dịch bệnh động vật cho Chủ tịch UBND cấp xã và cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT

c) Ngoài ra, nhân viên thú y cấp xã còn phải thực hiện báo cáo dịch bệnh động vật trong các trường hợp sau đây:

- Trong trường hợp dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, có khả năng lây lan nhanh, ở phạm vi rộng, được phép báo cáo vượt cấp lên chính quyền và các cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp cao hơn.

- Trường hợp xuất hiện dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người phải thực hiện việc báo cáo dịch bệnh động vật cho cơ quan y tế cùng cấp có liên quan theo các quy định hiện hành.

d) Trường hợp nghi ngờ xuất hiện bệnh động vật quy định tại Điều 2 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT thực hiện ngay việc báo cáo ổ dịch bệnh động vật bao gồm các nội dung sau đây:

- Về địa điểm nơi động vật mắc bệnh, chết, có dấu hiệu mắc bệnh: Tên chủ vật nuôi hoặc địa điểm nơi phát hiện động vật (địa chỉ cụ thể đến thôn, ấp, bản hoặc số nhà); số lượng tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có động vật mắc bệnh; số lượng thôn, ấp, bản có động vật mắc bệnh.

- Thời gian động vật bắt đầu có biểu hiện triệu chứng lâm sàng hoặc chết; diễn biến tình hình bệnh theo ngày.

- Thông tin liên quan đến động vật mắc bệnh, chết, có dấu hiệu mắc bệnh: Loại động vật; nguồn gốc của động vật; tổng đàn động vật cảm nhiễm; số lượng từng loại động vật bị mắc bệnh, chết, tiêu hủy; triệu chứng, bệnh tích của động vật mắc bệnh; loại thuốc điều trị, vắc-xin, chế phẩm sinh học đã sử dụng và thời gian sử dụng; số động vật được điều trị, được sử dụng vắc-xin, số động vật khỏi bệnh.

- Tác nhân gây bệnh (nếu biết), nguồn bệnh đang nghi ngờ hoặc đã được xác định, kết quả các chương trình giám sát bị động và giám sát chủ động đối với bệnh (nếu có).

- Nhận định tình hình, các biện pháp đã triển khai, các biện pháp sẽ áp dụng, đề xuất, kiến nghị.

đ) Báo cáo cập nhật ổ dịch thực hiện vào trước 16 giờ hàng ngày cho đến khi kết thúc đợt dịch, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh động vật theo chỉ đạo, phân công của UBND cấp xã và cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

2.3. Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác phòng, chống dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 25, khoản 5 Điều 27 và khoản 1 Điều 28 của Luật Thú y.

b) Thực hiện xử phạt vi phạm và lập biên bản vi phạm hành theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP

c) Thực hiện chỉ đạo của UBND cấp huyện, hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

2.5. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 9, khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 27 và khoản 1 Điều 28 của Luật Thú y.

b) Công bố dịch bệnh động vật theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 của Luật Thú y.

c) Công bố hết dịch bệnh động vật theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Thú y và Điều 11 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

d) Thực hiện xử phạt vi phạm và lập biên bản vi phạm hành theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP.

đ) Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

2.6. Chi cục Chăn nuôi và Thú y

a) Thực hiện và tham mưu về các hoạt động phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn, cụ thể:

- Phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định của Luật Thú y và các văn bản có liên quan trên địa bàn tỉnh.

- Thành lập Hội đồng thú y cấp tỉnh theo quy định tại Điều 114 của Luật Thú y.

- Xây dựng chương trình, dự án, kế hoạch phòng, chống dịch bệnh hàng năm hoặc dài hạn theo từng giai đoạn.

- Các nhiệm vụ khác về phòng, chống dịch bệnh động vật theo chỉ đạo, phân công của Giám đốc Sở.

b) Chỉ đạo Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện thực hiện và tham mưu cho UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện các hoạt động về phòng, chống dịch động vật trên địa bàn cấp huyện theo quy định của Luật Thú y và các

văn bản có liên quan.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện công tác quản lý chăn nuôi và phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để được hướng dẫn xử lý./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh: Lê Thanh Bình (b/c);
- UBND các huyện, Tx, Tp;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, CNTY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Đông